

Số: /SNN-QLXDCT

Bắc Giang, ngày tháng 9 năm 2020

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Kính gửi: Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Tờ trình số 638/TTr-BST ngày 21/9/2020 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương V/v thẩm định và phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp kênh hồ Đá Cóc: Kênh dẫn, kênh phải, kênh trái - *Chi tiết có hồ sơ công trình kèm theo.*

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 Về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 Về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình; Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 Về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 26/2016/TT-BXD, ngày 26/10/2016 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: Quyết định số 267/2015/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp kênh hồ Đá Cóc: Kênh dẫn, kênh phải, kênh trái do Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Hùng Mai lập;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 272/BC-TTr ngày 16/9/2020 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hà Bắc,

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp kênh hồ Đá Cóc: Kênh dẫn, kênh phải, kênh trái như sau:

## **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp kênh hồ Đá Cóc: Kênh dẫn, kênh phải, kênh trái.

- Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên khai thác CTTL Bắc Sông Thương.

3. Giá trị dự toán xây dựng công trình (theo tờ trình): 1.815.670.000 đồng.

4. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

6. Nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập báo cáo KT-KT: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Hùng Mai.

## **II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Tờ trình thẩm định của chủ đầu tư (bản chính);
- Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 (bản sao);
- Hồ sơ khảo sát xây dựng (bản chính);
- Báo cáo Kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (bản chính);
- Các tài liệu có liên quan (bản sao).

2. Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng chủ yếu được áp dụng:

- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT Về thành phần, nội dung lập Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án thủy lợi;
- QCVN 04-02:2010/BNNPTNT Về thành phần, nội dung Hồ sơ thiết kế kỹ thuật và thiết kế BVTC công trình thủy lợi;
- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 4118:2012 Hệ thống kênh tưới tiêu, Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 9164:2012 Hệ thống tưới tiêu -Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh;
- Các Tiêu chuẩn ngành và Quy phạm thiết kế công trình thủy lợi.

3. Quy mô công trình, giải pháp thiết kế chủ yếu:

*3.1. Quy mô xây dựng công trình và thông số kỹ thuật chủ yếu:*

Cải tạo, nâng cấp kênh hồ Đá Cóc (kênh xây mặt cắt chữ nhật) với tổng chiều dài 1.485 m phục vụ tưới cho 75ha diện tích đất nông nghiệp và tiêu 52ha diện tích lưu vực thuộc địa bàn xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam. Thông số kỹ thuật chủ yếu của kênh được tổng hợp theo Bảng dưới đây:

| Lý trình             | Chiều dài (m)       | Lưu lượng (m <sup>3</sup> /s)            | Độ dốc đáy                      | Chiều rộng đáy (m) | Chiều cao tường (m) |
|----------------------|---------------------|--|---------------------------------|--------------------|---------------------|
| <b>Tổng cộng</b>     | <b><u>1.485</u></b> |  |                                 |                    |                     |
| - Đoạn K0÷K0+104     | 104                 | 0,131                                    | $4,6 \times 10^{-2}$            | 0,40               | 0,44                |
| - Đoạn K0+104÷K0+180 | 76                  | Nạo vét kênh đất với chiều rộng đáy 1,1m |                                 |                    |                     |
| - Đoạn K0+180÷K0+860 | 680                 | 0,227                                    | $(2,4 \div 5,5) \times 10^{-3}$ | 0,50               | 0,58                |
| - Đoạn K0+860÷K0+885 | 25                  | 0,227                                    | $8,1 \times 10^{-2}$            | 0,50               | 0,44                |
| - Đoạn K0+885÷K0+930 | 45                  | Giữ nguyên hiện trạng (nền đá gốc)       |                                 |                    |                     |
| - Đoạn K0+930÷K1+059 | 129                 | 0,227                                    | $(3,7 \div 9,3) \times 10^{-3}$ | 0,50               | 0,44                |
| - Đoạn K1+059÷K1+220 | 161                 | 0,436                                    | $2,5 \times 10^{-2}$            | 0,50               | 0,44                |
| - Đoạn K1+220÷K1+485 | 265                 | 0,436                                    | $3,0 \times 10^{-3}$            | 0,70               | 0,65                |

\* Lưu ý: Đoạn kênh từ K0+250÷K0+475 đi qua sườn đồi bố trí đập tẩm đan BTCT.

#### b) Công trình trên kênh:

Sửa chữa và xây mới 27 công trình trên kênh phù hợp với tuyến kênh sau cải tạo, nâng cấp, gồm: 03 bể tiêu năng; 01 cống dọc  $\phi 1000$  qua đường; 01 tràn ra; 15 cầu thô sơ; 02 điều tiết; 01 cửa lấy nước; 04 tràn vào.

#### 3.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

##### a) Kênh:

Đáy BT M150# dày 15cm, dưới lót cát dày 5cm; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM 75#; dọc chiều dài tuyến kênh bố trí thanh giằng ngang (5m/chiếc) BTCT M200# tăng cường ổn định và khe lún (15m/khe) giấy dầu 2 lớp; đắp đất ngoài tường kênh (tận dụng đất đào) với độ chặt  $K=0,85$ ; tẩm đan BTCT M200#.

##### b) Công trình trên kênh:

- Cống dọc qua đường: Đáy BT M150#; thân cống sử dụng ống BTCT đúc sẵn; tường đầu xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; đắp đất hoàn trả  $K=0,9$ .

- Bể tiêu năng, tràn ra: Đáy BT M200#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM 75#; đắp đất hoàn trả  $K=0,9$ .

- Cầu thô sơ: Đáy BT M150#; bản mặt BTCT M200#; tường, tường đầu xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt  $K=0,90$ .

- Điều tiết: Khung dàn van, cánh cổng thép hình, đóng mở kiểu cán kéo tay bằng thép hình có đục lỗ.

- Cửa lấy nước, tràn vào: Đáy BT M150#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM 75#; đắp đất hoàn trả K=0,9.

4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định

4.1. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn: Việc lập dự toán trên cơ sở khối lượng tính toán từ thiết kế BVTC và định mức xây dựng, giá xây dựng của công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

4.2. Cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán:

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư 209/TT-BTC ngày 10/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở; Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/5/2020 Quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực đầu tư xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019; Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019; Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020;

- Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Công bố giá các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng tại trung tâm các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tại Văn bản số 03/CBGVLXD-LS ngày 20/7/2020 và Văn bản số 04/CBGVLXD-LS ngày 03/9/2020 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Giang; giá xăng dầu theo Văn bản số 6747/BTC-TTTN ngày 11/9/2020 của Bộ Công thương V/v điều hành kinh doanh xăng dầu;

- Các chế độ chính sách XDChB hiện hành.

### **III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BVTC-DT.**

1. Hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng được lập phù hợp với Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

2. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng.

- Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Hùng Mai (Giấy chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BAG-00004057 do Sở Xây dựng cấp ngày 08/9/2017) đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tư vấn khảo sát, thiết kế có liên quan đến nội dung khảo sát, thiết kế công trình.

- Các cá nhân chủ trì thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng có chứng chỉ hành

ngành phù hợp với nội dung công việc đảm nhận, cụ thể:

+ Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Lục Văn Thiêm - Chứng chỉ hành nghề số KS-027-05788 do Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 30/11/2015.

+ Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Ông Thân Quang Nghiệp - Chứng chỉ hành nghề số KS-240-00281 do Sở Xây dựng Bắc Giang cấp ngày 20/7/2016.

+ Chủ trì lập dự toán: Ông Nguyễn Văn Hùng - Chứng chỉ hành nghề số BAG-00029820 do Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/6/2018 (Định giá xây dựng - Hạng III).

3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình là hợp lý; các bản vẽ thể hiện đầy đủ chi tiết cấu tạo và kích thước hình học, đủ điều kiện tính toán khối lượng lập dự toán và triển khai thi công.

4. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng để thiết kế công trình cơ bản tuân thủ TCXDVN. Việc sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các giải pháp thiết kế phù hợp với công năng sử dụng của công trình, đảm bảo an toàn công trình và không gây ảnh hưởng đến an toàn công trình lân cận.

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường:

Dự án thuộc đối tượng phải lập Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

***Kết quả thẩm định dự toán:***

7. Khối lượng xây dựng chủ yếu tính trong dự toán công trình phù hợp với khối lượng xây dựng đo bóc từ thiết kế bản vẽ thi công.

8. Dự toán công trình lập cơ bản áp dụng, vận dụng đúng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

Dựa vào các căn cứ và nội dung nêu trên thì giá trị dự toán công trình sau thẩm định là: **1.793.031.000** đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, không trăm ba mươi một nghìn đồng*):

| <b>Nội dung chi phí</b> | <b>Giá trị Chủ đầu tư trình (đồng)</b> | <b>Giá trị sau thẩm định (đồng)</b> | <b>Chênh lệch (đồng)</b> |
|-------------------------|--|-------------------------------------|--------------------------|
| - Chi phí xây dựng      | 1.408.716.000                          | 1.408.716.000                       | 0                        |
| - Chi phí QLDA          | 31.842.000                             | 31.842.000                          | 0                        |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD   | 278.480.000                            | 257.189.000                         | -21.291.000              |
| - Chi phí khác          | 9.963.000                              | 9.902.000                           | -61.000                  |
| - Chi phí dự phòng      | 86.669.000                             | 85.382.000                          | -1.287.000               |
| <b>Tổng</b>             | <b>1.815.670.000</b>                   | <b>1.793.031.000</b>                | <b>-22.639.000</b>       |

(Chi tiết có Bảng tổng hợp dự toán kèm theo và dự toán công trình sau thẩm định)

**Nguyên nhân tăng, giảm:** Điều chỉnh một số chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi khác cho phù hợp với nội dung công việc đã thực hiện và quy định hiện hành.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

- Hồ sơ Báo cáo KTKT công trình: Cải tạo, nâng cấp kênh hồ Đá Cóc: Kênh dẫn, kênh phải, kênh trái đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tư vấn thiết kế hoàn thiện thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và dự toán công trình theo kết quả thẩm định.

- Vấn đề lưu ý: Gói thầu xây lắp có quy mô nhỏ phải áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, đề nghị chủ đầu tư cùng các bên liên quan rà soát kỹ lại khối lượng công việc để đảm bảo phù hợp với thiết kế được duyệt, tránh gây thất thoát vốn Nhà nước.

Trên đây là thông báo của Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ phận Một cửa (trả kết quả);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Dĩnh;
- Lưu: VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Dĩnh**

## TỔNG HỢP DỰ TOÁN

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP KÊNH HỒ ĐÁ CỐC: KÊNH DẪN, KÊNH PHẢI, KÊNH TRÁI**

(Kèm theo Thông báo kết quả thẩm định số /SNN-QLXDCT ngày /9/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính : Đồng

| STT        | Khoản mục chi phí   | Ký hiệu      | Định mức         | Văn bản áp dụng                               | Cách tính               | Chi phí trước thuế   | Thuế VAT           | Chi phí sau thuế     |
|------------|---|--------------|------------------|---|-------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Chi phí xây dựng</b>                                   | <b>Gxd</b>   |                  |   |                         | <b>1.280.650.909</b> | <b>128.065.091</b> | <b>1.408.716.000</b> |
| -          | Chi phí xây dựng kênh và công trình trên kênh             | G1           |                  | Có dự toán chi tiết kèm theo                  |                         | 1.280.650.909        | 128.065.091        | 1.408.716.000        |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí quản lý dự án</b>                              | <b>Gqlda</b> | 3,108 %          | TT 16/2019/TT-BXD                             | $3,108\% * Gxdtt * 0,8$ | <b>31.842.104</b>    |                    | <b>31.842.000</b>    |
| <b>III</b> | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>                     | <b>Gtv</b>   |                  |   |                         | <b>233.991.000</b>   | <b>23.199.000</b>  | <b>257.189.000</b>   |
| 1          | Chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật công trình |              |                  | Theo hợp đồng 221/2020/HĐ-TV ngày 07/5/2020   |                         | 143.946.364          | 14.394.636         | 158.341.000          |
| 2          | Chi phí giám sát công tác khảo sát                        |              |                  | Theo hợp đồng 194/2020/HĐ-TVGS ngày 28/4/2020 |                         | 912.727              | 91.273             | 1.004.000            |
| 3          | Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT                             |              |                  | Theo hợp đồng 272/HĐ-TV ngày 03/06/2020       |                         | 9.034.545            | 903.455            | 9.938.000            |
| 4          | Chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường                    |              |                  | Theo kết quả thẩm định                        |                         | 40.202.727           | 4.020.273          | 44.223.000           |
| 5          | Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT                         |              | 0,361 %          | TT số: 16/2019-BXD                            | $0,361\% * Gxd$         | 4.623.150            | 462.315            | 5.085.000            |
| 6          | Chi phí thẩm định HSMT, HS yêu cầu                        |              | 0,05 %           | NĐ 63/2014/NĐ-CP                              | Lấy tối thiểu           | 1.000.000            |                    | 1.000.000            |
| 7          | Chi phí thẩm định kết quả LCNT                            |              | 0,05 %           | NĐ 63/2014/NĐ-CP                              | Lấy tối thiểu           | 1.000.000            |                    | 1.000.000            |
| 8          | Chi phí giám sát thi công xây dựng                        |              | 2,598 %          | TT số: 16/2019-BXD                            | $2,598\% * Gxd$         | 33.271.311           | 3.327.131          | 36.598.000           |
| <b>IV</b>  | <b>Chi phí khác</b>                                       | <b>Gk</b>    |                  |   |                         | <b>9.902.342</b>     | <b>0</b>           | <b>9.902.000</b>     |
| 1          | Chi phí thẩm định BC KTKT                                 |              | $0,019\% * 50\%$ | TT số 209/2016/BTC                            | $0,019\% * TMĐT * 50\%$ | 170.311              |                    | 170.000              |
| 2          | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán                    |              | 0,57 %           | TT 10/2020/TT-BTC                             | $0,57\% * x(TMĐT-DP)$   | 9.732.032            |                    | 9.732.000            |
| <b>V</b>   | <b>Chi phí dự phòng</b>                                   | <b>Gdp</b>   | <b>5%</b>        |   | $5\% * (I+II+III+IV)$   |                      |                    | <b>85.382.000</b>    |
|            | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>TMĐT</b>  |                  |   | <b>(I:-V)</b>           |                      |                    | <b>1.793.031.000</b> |

Bảng chữ: Một tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, không trăm ba mươi một nghìn đồng./.